

ĐẤU TRANH NGOẠI GIAO CỦA MẶT TRẬN VIỆT MINH TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

PHẠM HỒNG TUNG*

1. Đặt vấn đề

Cho đến nay, trong nghiên cứu và đánh giá về cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, người ta đã quen với nhận thức, rằng thắng lợi của cuộc cách mạng đó là kết quả của sự phối hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, và quá trình chuẩn bị lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang của Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương được dành cho nhiều nhất sự quan tâm nghiên cứu và đánh giá. Trong khi đó, cuộc đấu tranh ngoại giao của Đảng và Mặt trận Việt Minh ít được quan tâm nghiên cứu và đánh giá đầy đủ.

Hiện nay những kết quả nghiên cứu của giới sử học Việt Nam và nước ngoài về đấu tranh ngoại giao của Mặt trận Việt Minh đã cung cấp những nguồn sử liệu khá phong phú, đủ cơ sở và luận cứ để phục dựng lại cơ bản lịch sử của những hoạt động đối ngoại của Đảng và Việt Minh thời đó và đưa ra những đánh giá toàn diện, khách quan hơn.

Trong khuôn khổ của bài nghiên cứu này, chúng tôi bước đầu làm rõ những nội dung chính của cuộc đấu tranh ngoại giao của Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh từ năm 1941-1945 nhằm góp phần nhận thức đầy đủ hơn, đánh giá chính xác, khách quan hơn về cuộc Cách

mạng tháng Tám năm 1945 - một trong những sự kiện vĩ đại nhất của lịch sử Việt Nam hiện đại.

2. Hoạt động đấu tranh ngoại giao của Hồ Chí Minh và Mặt trận Việt Minh nhằm kết nối với phe Đồng minh chống phát xít

Hoạt động đấu tranh ngoại giao quan trọng nhất của Đảng và Mặt trận Việt Minh trong thời kỳ này chính là những hoạt động được đích thân lãnh tụ Hồ Chí Minh đảm nhiệm. Đó là những lần xuất ngoại của Hồ Chí Minh sang Trung Quốc và các hoạt động của Người kết nối với phe Đồng minh và bước đầu giao thiệp với chính phủ Pháp (de Gaulle).

Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ đó cho tới khi Người thực hiện chuyến xuất ngoại đầu tiên để thực hiện nhiệm vụ đấu tranh ngoại giao vào ngày 13-8-1942, Nguyễn Ái Quốc cũng đã quay lại Trung Quốc một vài lần, chẳng hạn vào khoảng tháng 3 và tháng 4 năm 1941 (1).

Ngày 13-8-1941, sau một thời gian chuẩn bị, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc với tên gọi mới là Hồ Chí Minh đã từ căn cứ Pác Bó (Cao Bằng) đi sang Trung Quốc. Cùng đi với Người có Lê Quảng Ba. Như Hồ Chí Minh cho biết thì mục đích của chuyến đi này là “vâng lệnh Đoàn thể đi cầu ngoại

*GS.TS. Đại học Quốc gia Hà Nội

viện” (2). Về sau, trong cuốn *Ngục trung nhật kí*, Hồ Chí Minh cũng viết: “Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân, Nghĩ đáo Trung Hoa kiến yếu nhân” (3). Tuy Hồ Chí Minh không nói rõ hơn rằng “yếu nhân” mà Người muốn gặp để “câu ngoại viện” là ai, nhưng đủ thấy, chuyến đi của Người sang Trung Quốc là một hoạt động đấu tranh ngoại giao, nhằm tìm kiếm sự ủng hộ quốc tế cho lực lượng cách mạng Việt Nam do Đảng và Việt Minh lãnh đạo (4).

Sau Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) có thể thấy bộ máy lãnh đạo cao nhất của cách mạng Việt Nam được đặt ở hai nơi: Trung ương Đảng với Ban Thường vụ (gồm các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt) đóng ở ATK, ngoại thành Hà Nội và Bắc Ninh, trong khi Hồ Chí Minh và một số cán bộ lãnh đạo khác như các đồng chí: Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh... thì ở căn cứ Pác Bó, Cao Bằng. Dù xét về tổ chức Đảng thì Ban Thường vụ Trung ương là cơ quan lãnh đạo cao nhất, nhưng trên thực tế thì Hồ Chí Minh chính là lãnh tụ tối cao của cách mạng Việt Nam. Việc lãnh tụ tối cao tự mình đảm nhiệm công việc đấu tranh ngoại giao đủ cho thấy tầm vóc, vai trò và ý nghĩa quan trọng của cuộc đấu tranh này đối với vận mệnh của cách mạng Việt Nam (5).

Về chuyến xuất ngoại của Hồ Chí Minh, từ tháng 8-1942 đến tháng 9-1944, trong thời gian đầu gặp rất nhiều khó khăn gian khổ do chỉ sau 15 ngày đến Trung Quốc, ngày 27-8-1942, Người đã bị chính quyền địa phương của Trung Hoa Dân quốc bắt giữ tại phố Túc Vinh (huyện Thiên Bảo, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc). Theo Hồ Chí Minh cho biết thì Người bị bắt giữ do bị chính quyền địa phương của Trung Quốc tình nghi là “gián điệp”, là “Hán gian” (6). Từ đó cho tới ngày 10-9-1943 Hồ Chí Minh đã bị giam giữ tại 13 nhà tù thuộc nhiều

địa phương ở tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), bị trải qua nhiều khổ ải, bị dọa dẫm, không ít lần bị đe dọa tới tính mạng. Cuộc đấu tranh ngoại giao của Người và của cách mạng Việt Nam lúc này tập trung vào mục tiêu quan trọng nhất là đòi nhà cầm quyền Trung Hoa Dân quốc trả lại tự do cho Người. Đây là một cuộc đấu tranh rất phức tạp, bao gồm nhiều cuộc vận động từ nhiều phía, nhưng quan trọng nhất là ý chí kiên cường, kiên nhẫn và khôn ngoan của bản thân Hồ Chí Minh. Việc bảo toàn được tính mạng và cuối cùng được trả tự do là một thắng lợi có ý nghĩa đặc biệt của Hồ Chí Minh và của cách mạng Việt Nam (7).

Sau khi thoát khỏi tù ngục, Hồ Chí Minh lại bước vào một cuộc đấu tranh mới, không kém phần gay go, phức tạp và nguy hiểm. Mặc dù không có chứng cứ gì để buộc tội và tiếp tục giam giữ Hồ Chí Minh, nhưng lãnh đạo Trung Hoa Dân quốc, thống nhất từ Tưởng Giới Thạch ở Trùng Khánh cho tới Trương Phát Khuê ở Đệ tứ Chiến khu, đều không muốn trả tự do hoàn toàn cho Người, trái lại muốn giam lỏng Người ở Liễu Châu để vừa tìm cách kiểm soát, vừa tìm cách lợi dụng (8). Người “chủ mưu” trong kế hoạch này chính là tướng Trương Phát Khuê. Là Tư lệnh của Đệ tứ Chiến khu, Trương Phát Khuê có nhiệm vụ chuẩn bị các kế hoạch của Trung Hoa Dân quốc đối phó với Nhật Bản ở Đông Dương. Dưới trướng của Trương Phát Khuê đã có một số nhóm người Việt Nam vốn hoạt động từ trước ở Trung Quốc đến đầu quân. Nổi bật nhất có Nguyễn Hải Thần, Trương Bội Công, Trần Báo và một số người khác. Trong số đó có người còn sót lại từ thời phong trào Đông Du, Việt Nam Quang phục hội, có người vốn là đảng viên của Việt Nam Quốc dân đảng, có người là thành viên của Việt Nam Phục quốc đồng minh hội, có người lại mới chạy từ trong

nước ra. Từ năm 1941, Trương Phát Khuê đã cố gắng thống nhất họ trong một tổ chức gọi là *Việt Nam Giải phóng Đồng minh hội*. Nhưng do mâu thuẫn cá nhân, họ mãi tranh giành lẫn nhau mà không tổ chức được hoạt động gì. Tháng 6 năm 1942, Trương Phát Khuê lại triệu tập họ tới một hội nghị ở Liễu Châu, nhưng phải tới đầu tháng 12-1942 họ mới ngồi lại với nhau được để lập ra *Việt Nam Cách mạng đồng minh hội* (Việt Cách), do Nguyễn Hải Thần làm Chủ tịch. Nhưng ngay sau hội nghị, mâu thuẫn nội bộ giữa các “lãnh tụ” lại bùng nổ. Sau khi chia nhau mỗi người một khoản từ số tiền nhận được từ Trương Phát Khuê, họ bỏ đi mỗi người một ngã. Đến nỗi Trương Phát Khuê phải than rằng: “Bọn họ thật không có ai đáng mặt lãnh tụ cả!” (9). Đích thân Trương Phát Khuê và các tướng lĩnh Trung Quốc như Lương Hoa Thịnh, Hầu Chí Minh phải thay nhau phụ trách Việt Cách.

Giữa lúc đó, Trương Phát Khuê “phát hiện” ra Hồ Chí Minh. Sau khi nhận được chỉ đạo từ chính phủ Trùng Khánh, Trương Phát Khuê ra lệnh trả tự do cho Hồ Chí Minh, đồng thời yêu cầu Người tham gia Việt Cách. Từ tháng 10-1943, Hồ Chí Minh bắt đầu tham gia hoạt động và gửi cho Trương Phát Khuê một bản Kế hoạch hoạt động ở Việt Nam. Tháng 11-1943, theo yêu cầu của Trương, Hồ Chí Minh trở thành Phó Chủ tịch của Việt Cách (10). Với vị trí đó, Hồ Chí Minh có điều kiện thuận lợi hơn trong việc tập hợp những người Việt Nam yêu nước đang sống ở phía Nam Trung Quốc, nhất là thanh niên, nói chuyện, huấn luyện cho họ để giúp họ đoàn kết và trở thành những cán bộ cách mạng. Người bí mật gửi thư báo tin cho các đồng chí ở trong nước biết về tình hình quốc tế và của bản thân (11).

Nhờ tài trí vô song của mình, chỉ sau một thời gian ngắn tham gia các hoạt động ở Liễu Châu, trực tiếp làm việc với Trương Phát Khuê, Tiêu Văn, Hầu Chí Minh và các tướng lĩnh Trung Hoa Dân quốc trong bộ Tổng hành dinh của Đệ tứ Chiến khu, Hồ Chí Minh đã giành được cảm tình và sự ủng hộ của họ. Cuộc đấu tranh ngoại giao của Người bắt đầu chuyển bại thành thắng. Hồ Chí Minh đề nghị và được Trương Phát Khuê chấp nhận: cải tổ lại Việt Cách, mở rộng thêm thành phần tham gia, trong đó có đại biểu của Mặt trận Việt Minh và tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc của Việt Nam Cách mạng đồng minh hội. Đại hội đã diễn ra từ ngày 25 đến 28-2-1944 ở Liễu Châu. Hồ Chí Minh đã trình bày một Chương trình hành động của cách mạng Việt Nam phối hợp với phe Đồng minh chống phát xít Nhật và thực dân Pháp. Bản Chương trình này được thảo luận và thông qua, khiến cho Trương Phát Khuê và các tướng lĩnh Trung Quốc khá đặc ý. Hồ Chí Minh còn đề xuất nhiều giải pháp để thống nhất các lực lượng yêu nước và cách mạng Việt Nam ở trong và ngoài nước, cùng đấu tranh cho một mục tiêu chung duy nhất là độc lập dân tộc.

Sau sự kiện trên, Hồ Chí Minh càng hoạt động tích cực hơn nhằm thống nhất các lực lượng yêu nước của người Việt Nam ở Trung Quốc, huấn luyện thêm cán bộ và tranh thủ sự tin cậy, ủng hộ của Trương Phát Khuê và chỉ huy Đệ tứ Chiến khu (12). Ngày 9-8-1944, Hồ Chí Minh được Trương Phát Khuê trả tự do hoàn toàn và đồng ý để Người trở về Việt Nam, cùng với 18 thanh niên do Người đã lựa chọn và huấn luyện. Đến tận cuối tháng 9 năm 1944, Hồ Chí Minh mới về tới Pác Bó, kết thúc chuyến xuất ngoại nhằm thực hiện nhiệm vụ đấu tranh ngoại giao vô cùng gian khổ, nhưng cũng đạt được những thành tựu nhất định: giao thiệp và kết nối

được quan hệ với Trương Phát Khuê và bộ Tổng hành dinh của Đệ tứ Chiến khu của Trung Quốc; thâm nhập và hiểu rõ hơn tình hình của các lực lượng và tổ chức của người Việt Nam đang hoạt động ở Hoa Nam. Đúng như Hồ Chí Minh cho biết: “Trong sự rủi lại có sự may. Nhân dịp ở ngoài mà tôi hiểu rõ tình hình thế giới và chính sách của các hũu bang, trước hết là Trung Quốc” (13). Bên cạnh đó, Người còn tổ chức được nhiều hoạt động tuyên truyền, huấn luyện, phát huy ảnh hưởng của Việt Minh trong số đồng bào Việt Nam ở các địa phương thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Các thành tựu này tuy chưa thể đem lại ảnh hưởng tích cực trực tiếp cho cuộc vận động cách mạng ở trong nước, nhưng về lâu dài, đây là những “vốn liếng” ngoại giao và chính trị vô cùng quan trọng đối với vận mệnh của cách mạng Việt Nam.

Nửa sau năm 1944, tình hình cuộc Chiến tranh thế giới thứ Hai diễn biến vô cùng mau lẹ, với ưu thế ngày càng nghiêng hẳn về phe Đồng minh. Ở châu Âu, phát xít Đức bị đánh lui trên cả hai mặt trận. Tháng 8-1944, nước Pháp được giải phóng và chính phủ mới được thành lập do tướng Charles de Gaulle đứng đầu, đang ráo riết vận động để liên lạc với lực lượng “kháng chiến” của quân Pháp ở Đông Dương do tướng Eugène Mordant lãnh đạo. Ở chiến trường châu Á - Thái Bình Dương, quân Nhật cũng bị đánh lui trên nhiều mặt trận, không còn chiếm được ưu thế như trước kia.

Ở trong nước, cuộc vận động cứu quốc do Đảng và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo đã có những bước tiến đáng kể, nhất là ở vùng Cao - Bắc - Lạng và một số khu vực khác. Tuy nhiên, phong trào và lực lượng ở các vùng và các địa phương không đều khắp, nhất là ở các khu vực thành thị và một số tỉnh thuộc Trung Kỳ và Nam Kỳ còn rất yếu và phân tán. Trong khi đó, từ cuối năm

1943, đầu năm 1944, thực dân Pháp lại tăng cường khủng bố ở vùng Cao - Bắc - Lạng, khiến cho một số nơi phong trào gặp khó khăn nghiêm trọng. Trước tình hình đó, lãnh đạo Đảng và Việt Minh ở địa phương đã chủ trương phát động khởi nghĩa và tổ chức chiến tranh du kích để duy trì phong trào.

Sau khi về nước nắm được tình hình, Hồ Chí Minh đã kịp thời ra lệnh hoãn cuộc khởi nghĩa non ở vùng Cao - Bắc - Lạng, đồng thời chỉ ra phương hướng phát triển mới cho phong trào: vũ trang tuyên truyền để mở rộng, củng cố hơn nữa lực lượng chính trị; trên cơ sở đó phát triển lực lượng vũ trang. Chính trị và vũ trang phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng cùng tiến bước. Đồng thời đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng lực lượng cách mạng trên toàn quốc, nhất là ở Hà Nội và các khu vực đô thị.

Tháng 10 năm 1944, Hồ Chí Minh gửi một bức thư ngỏ cho đồng bào toàn quốc, Người nhận định: “Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các Đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!” (14). Trong số những việc “phải làm nhanh” đó, có việc tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngoại giao, nhằm tranh thủ sự ủng hộ và giành cho được sự công nhận của phe Đồng minh với cách mạng Việt Nam.

Khoảng tháng 10 năm 1944, một viên phi công Mỹ tên là William Shaw bị buộc phải nhảy dù xuống một khu rừng thuộc huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng và được cơ sở Việt Minh ở đây cứu sống, che chở. Hồ Chí Minh đã chỉ thị “phải chăm sóc chu đáo người Mỹ này và dẫn lên gặp Bác” (15). Đầu tháng 2 năm 1945, Hồ Chí Minh quyết định đưa viên phi công này sang trao trả cho Tổng hành dinh Tập đoàn không quân

số 14 “Hổ bay” (Flying Tigers) của Mỹ ở Côn Minh, nhân cơ hội đó tìm cách bắt liên lạc, tranh thủ sự ủng hộ của phe Đồng minh đối với cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam (16). Cùng đi với Người có Phùng Thế Tài.

Mặc dù đã chuẩn bị khá kỹ, nhưng chuyến đi này của Hồ Chí Minh không thành công như dự định. Khi đưa được viên phi công Mỹ đến Tĩnh Tây, Hồ Chí Minh đã liên lạc với tướng Trần Bảo Xương, Tư lệnh một quân đoàn của Trung Hoa Dân quốc, nhờ ông ta thông báo cho tướng Claire Lee Chennault, tư lệnh của Flying Tigers ở Côn Minh về việc cứu thoát viên phi công và bàn giao người này cho phía Mỹ. Ngay sau đó, tướng Trần Bảo Xương yêu cầu Hồ Chí Minh bàn giao viên phi công Mỹ cho ông ta, rồi mở tiệc lịch sự thay mặt Đồng minh cảm ơn “tiên sinh” Hồ Chí Minh. Thực chất, Trần Bảo Xương lại ngầm ra lệnh cho quân lính chuẩn bị bắt giữ luôn Hồ Chí Minh và Phùng Thế Tài. May mắn là Hồ Chí Minh đã kịp thời biết được âm mưu của Trần Bảo Xương và chạy được về Pác Bó (17).

Qua đó, có thể thấy được tính chất khó khăn, nguy hiểm của cuộc đấu tranh ngoại giao của Hồ Chí Minh và Việt Minh trong những ngày tháng chuẩn bị lực lượng và xây dựng uy thế cho cách mạng Việt Nam. Hai lần Hồ Chí Minh đi sang Trung Quốc để tìm cách kết nối liên lạc, tìm kiếm sự ủng hộ của phe Đồng minh chống phát xít cho cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam đều gặp khó khăn rất nghiêm trọng, thậm chí bị nguy hiểm tới tính mạng của Người. Mặc dù vậy, xác định rõ tầm quan trọng đặc biệt của công tác này, nên sau khi về Pác Bó một thời gian ngắn, Hồ Chí Minh lại yêu cầu Vũ Anh, Phùng Thế Tài và một số cán bộ chuẩn bị để Người đi sang Trung Quốc lần thứ ba (18).

Trong chuyến đi sang Trung Quốc lần thứ nhất, Hồ Chí Minh đã có tiếp xúc với một số sĩ quan Mỹ ở Côn Minh. Tuy nhiên, những tiếp xúc ban đầu này chưa mang lại kết quả cụ thể nào (19). Sau khi vượt qua một chặng đường dài vô cùng gian khổ, Hồ Chí Minh, Phùng Thế Tài và Đại Toàn đã tới được Côn Minh. Ngày 17-3-1945, Hồ Chí Minh đã gặp Trung úy Charles Fenn, một sĩ quan của tổ chức tình báo Mỹ OSS (20) tại văn phòng của Cơ quan thông tin chiến tranh (*OWI, Office of War Information*) của Mỹ đặt tại Côn Minh. Sau khi trao đổi kỹ với Charles Fenn, ngày 29 tháng 3 Hồ Chí Minh đã có cuộc gặp và làm việc đầu tiên với tướng Mỹ Claire L. Chennault, Tư lệnh Tập đoàn không quân số 14 Flying Tigers (21). Sau đó, Hồ Chí Minh đã thảo luận kỹ với Charles Fenn và Đại úy Archimedes Patti một kế hoạch hợp tác cụ thể, theo đó, OSS sẽ giúp Việt Minh một số vũ khí, thuốc men, thiết bị liên lạc... Đáp lại, Việt Minh sẽ cung cấp cho OSS tin tức tình báo quân sự liên quan đến quân Nhật ở Đông Dương và phối hợp cứu trợ các phi công Đồng minh bị nạn ở Đông Dương (22).

Sau khi thống nhất được những nguyên tắc, kế hoạch và phương thức hợp tác giữa Việt Minh với OSS và một số cơ quan đại diện của lực lượng Đồng minh khác, tướng Claire L. Chennault cho rằng đó “là một thắng lợi” nên khoảng giữa tháng 3-1945, ông cho mở tiệc chiêu đãi “phái đoàn” của Hồ Chí Minh (23). Tướng Chennault cũng mời một số tướng lĩnh cao cấp của Trung Hoa Dân quốc tham dự, như Trương Phát Khuê, Lư Hán, Tiêu Văn và Long Vân, tỉnh trưởng tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Sau đó, với sự giúp đỡ của gia đình ông Tống Minh Phương, Hồ Chí Minh đã tổ chức một bữa tiệc nhỏ đáp lễ tướng Chennault. Tướng Claire L. Chennault, Charles Fenn và một số sĩ quan Mỹ đã vui vẻ tham dự sự kiện

(24). Có thể coi hai bữa tiệc công việc (*Working Dinners*) là một dấu mốc quan trọng, ghi nhận thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của nỗ lực đấu tranh ngoại giao khôn khéo, dũng cảm của Hồ Chí Minh và Mặt trận Việt Minh trong quá trình chuẩn bị cho thắng lợi cuối cùng của cuộc cách mạng.

Cuối tháng 4 năm 1945 Hồ Chí Minh được máy bay Mỹ chở từ Côn Minh về tới Tĩnh Tây, từ đó Người trở về Pác Bó, cùng đi còn có một số nhân viên kỹ thuật điện đài của OSS cùng với nhiều thuốc men, tài liệu quý. Đầu tháng 5, nhóm nhân viên OSS này cùng Hồ Chí Minh di chuyển đến Tân Trào. Tại đây, ngày 16-7-1945, một tiểu đội binh lính và sĩ quan Mỹ thuộc OSS (mang mật danh "Đội Con nai" - *The Deer Team*) do Thiếu tá Allison K. Thomas chỉ huy đã nhảy dù xuống Tân Trào, được Hồ Chí Minh và các chiến sĩ Việt Minh nhiệt liệt hoan nghênh (25). Tại Tân Trào, nhóm người Mỹ, bên cạnh việc thiết lập hệ thống thu thập tin tức tình báo về quân Nhật, đã giúp đỡ Việt Minh huấn luyện quân sự cho một đại đội gọi là "Bộ đội Việt - Mỹ", hướng dẫn các chiến sĩ Việt Minh sử dụng vũ khí, điện đài... Một sân bay dã chiến được xây dựng ở Lũng Cò (26) và đường hàng không tiếp tế từ Côn Minh đến Tân Trào đã được thiết lập. "Đội Con nai" được Hồ Chí Minh và các chiến sĩ Việt Minh giúp đỡ, quý trọng, đối xử thân tình, cũng đã bày tỏ những sự ủng hộ rõ rệt đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam (27).

Việc thiết lập được quan hệ với Đồng minh và đặc biệt là với quân đội Mỹ ở Hoa Nam là một thắng lợi ngoại giao có ý nghĩa chiến lược và sách lược rất quan trọng của Mặt trận Việt Minh. Có thể những giúp đỡ về vật chất (vũ khí, thuốc men) và sự huấn luyện quân sự của "Đội Con nai" chỉ là một sự đóng góp không lớn vào quá trình xây dựng lực lượng của Mặt

trận Việt Minh, nhưng ý nghĩa chính trị do mối quan hệ này mang lại thì rất to lớn và vô cùng quan trọng. Sự hiện diện của "Đội Con nai" và việc một số lượt chiếc máy bay hạng nhỏ hạ cánh xuống sân bay Lũng Cò ở khu căn cứ Tân Trào là sự gián tiếp mặc nhiên thừa nhận rằng Việt Minh là lực lượng nằm trong phe Đồng minh chống phát-xít, phe đang chiếm ưu thế tuyệt đối trong Chiến tranh thế giới thứ Hai. Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa và giành chính quyền, yếu tố này đã góp phần nâng cao đáng kể ảnh hưởng và uy tín chính trị của Việt Minh cả ở trong nước và trên trường quốc tế.

3. Hoạt động ngoại giao của Mặt trận Việt Minh trong quan hệ với Trung Hoa Dân quốc và phái Pháp "kháng chiến"

Trong khi quan hệ giữa Việt Minh và quân Mỹ ở Hoa Nam được thiết lập và ngày càng trở nên có ý nghĩa quan trọng hơn đối với công cuộc vận động cứu nước của nhân dân Việt Nam, thì quan hệ giữa Việt Minh với Trung Hoa Dân quốc trở nên ít quan trọng hơn. Cho tới trước cuộc đảo chính Nhật - Pháp, Trương Phát Khuê vẫn chú ý chuẩn bị cho phương án "Hoa quân nhập Việt". Cuối năm 1944, Trương Phát Khuê gửi thư mời đại diện Việt Minh sang Quảng Tây để bàn bạc kế hoạch phối hợp hành động chống Nhật. Đầu tháng 2 năm 1945, Việt Minh cử Hoàng Quốc Việt dẫn đầu một đoàn đại biểu sang gặp Trương Phát Khuê, nhưng cuộc tiếp xúc không đạt được kết quả gì cụ thể (28).

Theo nghị quyết của Hội nghị Thượng đỉnh Đồng minh họp ở Potsdam (2-8-1945) thì quân đội Trung Hoa Dân quốc sẽ nhân danh Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật ở Bắc Đông Dương (từ vĩ tuyến 16 trở ra). Do mâu thuẫn nội bộ, Tưởng Giới

Thạch không cử tướng Trương Phát Khuê mà lại chỉ định tướng Lư Hán chỉ huy đội quân Tàu tiến vào Đông Dương (29). Như vậy, kế hoạch “Hoa quân nhập Việt” vốn được Trương Phát Khuê dày công chuẩn bị đã đảo lộn hoàn toàn. Đây là một thuận lợi khách quan cho cách mạng Việt Nam ở một thời điểm có tính chất bước ngoặt.

Đối với những người Pháp thuộc phái “kháng chiến” theo tướng Charles de Gaulle, ngay từ khi cuộc chiến mới bùng nổ, Đảng Cộng sản Đông Dương và sau đó là Mặt trận Việt Minh đều tuyên bố sẵn sàng phối hợp với họ đấu tranh chống phát-xít Nhật, nếu họ cam kết tôn trọng nền độc lập dân tộc của Việt Nam. Sau nhiều cố gắng, vào khoảng cuối năm 1944, đã có một số tiếp xúc giữa đại diện của Việt Minh và một số đảng viên Đảng xã hội Pháp ở Hà Nội, cùng bàn bạc một kế hoạch phối hợp hoạt động chống Nhật. Kết quả là một số chi bộ cộng sản được hình thành trong hàng ngũ binh lính lê dương. Tháng 11 năm 1944, qua trung gian của nhóm đảng viên Đảng Xã hội Pháp, Việt Minh cũng tiếp xúc với phái “kháng chiến” theo de Gaulle. Việt Minh đồng ý phối hợp với họ chống Nhật và yêu cầu họ vận động đình chỉ việc thu thóc tạ, thả tù chính trị và giao một số vũ khí cho Việt Minh. Kết quả, khoảng 150 tù chính trị án nhẹ được tha, nhưng hai yêu cầu khác thì họ không đáp ứng được (30).

Ngay sau cuộc đảo chính Nhật - Pháp, trong bản Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ngày 12-3-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhận định rằng cuộc kháng chiến của người Pháp chống Nhật là “tương đối tiến bộ”, họ có thể là “đồng minh khách quan” của nhân dân Việt Nam. Do đó, Việt Minh có thể bắt tay với họ trong cuộc đấu tranh chống phát-xít Nhật, nhưng dựa trên nguyên tắc

họ phải thừa nhận quyền độc lập của các dân tộc Đông Dương (31). Trên thực tế, nhân dân Việt Nam và Việt Minh đã giúp đỡ nhiều binh lính và thường dân Pháp chạy trốn sau cuộc đảo chính. Về phía Pháp, một mặt cuộc “kháng chiến” của họ quá yếu ớt, không thể cầm cự và phối hợp được với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam do Việt Minh lãnh đạo. Mặt khác, giống như de Gaulle, ngay trong lúc nguy khốn nhất, họ vẫn rất nặng đầu óc thực dân, không chịu thừa nhận quyền độc lập của các dân tộc ở Đông Dương (32).

Sau ngày 9-3-1945, tất cả những gì mà người Pháp mong muốn, dù thuộc phe phái nào, là khôi phục chế độ thực dân ở Việt Nam và Đông Dương. Từ rất sớm, Hồ Chí Minh và lãnh đạo Đảng đã nhận ra dã tâm này của họ. Căn cứ vào so sánh lực lượng, phán đoán khá chính xác xu hướng phát triển của tình hình, ngày 17-7-1945, thông qua “Đội Con nai” đang ở Tân Trào, Hồ Chí Minh đã gửi cho chính phủ Charles de Gaulle một bản yêu sách 5 điểm làm cơ sở cho sự hợp tác giữa Việt Minh với người Pháp trong tương lai: “1) Thực hiện bầu cử phổ thông đầu phiếu để bầu một nghị viện quản lý đất nước, có một viên toàn quyền người Pháp làm chủ tịch cho đến khi Việt Nam hoàn toàn độc lập. 2) Nền độc lập phải được đảm bảo cho đất nước trong khoảng thời gian nhanh nhất không quá 5 năm và chậm nhất không quá 15 năm. 3) Trả lại cho nhân dân các nguồn lợi tự nhiên sau khi đền bù thỏa đáng. 4) Thi hành các quyền tự do như Liên hiệp quốc quyết định 5) Cấm chỉ việc bán thuốc phiện” (33). Bản yêu sách đã được Jean Sainteny, phái viên của chính phủ de Gaulle khi đó đang ở Côn Minh nhận và gửi về Paris, tuy nhiên cả Sainteny và Hồ Chí Minh không bao giờ nhận được câu trả lời từ phía chính phủ Pháp. Cố gắng ngoại giao cuối cùng của Hồ

Chí Minh và Việt Minh với chính phủ de Gaulle trong đêm trước của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã không mang lại kết quả như mong muốn.

Trên thực tế, chính phủ Pháp của de Gaulle đã ra sức tìm mọi cơ hội để bắt liên lạc với số kiều dân Pháp và một số phần tử tay sai người bản xứ để tìm cách quay trở lại Đông Dương sớm nhất. Tuy nhiên, cho tới trước ngày 2-9-1945, mọi nỗ lực của họ đều bị thất bại thảm hại: Khi Jean Sainteny tìm được cách bay đến Hà Nội thì Việt Minh đã giành được chính quyền, cả thành phố ngập tràn cờ đỏ sao vàng và cờ của các nước Đồng minh, nhưng không có một bóng cờ Pháp. Ông ta sau đó bị cô lập, sống trong tòa nhà cũ của Toàn quyền Đông Dương trước kia, trong khi các toán đặc vụ khác của thực dân Pháp được máy bay Anh thả dù xuống Hà Nội, Huế và Sài Gòn đều bị bắt gọn, không kịp móc nối với bất kỳ ai ở Việt Nam (34).

4. Hoạt động đấu tranh ngoại giao của Mặt trận Việt Minh trong quá trình giành chính quyền

Ngay trong đêm 9-3-1945, khi cuộc đảo chính Nhật - Pháp vừa nổ ra, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp hội nghị mở rộng, đánh giá, phân tích tình hình và ngày 12-3-1945 đã ban hành bản Chỉ thị lịch sử “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” (35). Trong bản Chỉ thị này, Đảng đã nhận định rõ về kẻ thù của cách mạng Việt Nam như sau: “a) Đế quốc Pháp mất quyền thống trị ở Đông Dương không phải là kẻ thù cụ thể trước mắt của ta nữa - mặc dầu ta vẫn phải đề phòng cuộc vận động của bọn Đờ Gôn định khôi phục quyền thống trị của Pháp ở Đông Dương; b) Sau cuộc đảo chính này, đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể trước mắt - duy nhất của nhân dân Đông Dương; c) Bọn Pháp kháng chiến đang đánh Nhật là

đồng minh khách quan của nhân dân Đông Dương lúc này” (36).

Do hàng ngũ kẻ thù đã thay đổi, cho nên Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định: “*Đem khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật!” thay cho khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật, Pháp!”... chống lại chính quyền Nhật và chính phủ bù nhìn của bọn Việt gian thân Nhật*” (37). Đây là quyết định hoàn toàn chính xác, mở đường cho sự bùng phát một cao trào đấu tranh chống phát xít Nhật ở khắp cả nước, nhiều nơi đã diễn ra quá trình khởi nghĩa từng phần, đẩy nhanh việc chuẩn bị lực lượng cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến. Hơn nữa, quyết định này còn cho thấy rõ bản lĩnh của Đảng và Mặt trận Việt Minh trước sau vẫn “gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít” (38), khác hẳn với các tổ chức và phong trào thân Nhật “mọc ra như nấm sau mưa” ở Việt Nam từ sau cuộc đảo chính.

Tinh thần trên vẫn tiếp tục được Trung ương Đảng kiên quyết chỉ đạo, cho tới tận đêm 13-8-1945, khi nghe tin Nhật hoàng đã chấp nhận các điều kiện đầu hàng Đồng minh. Bản “*Quân lệnh số 1*” do Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc đã phát đi với mệnh lệnh rất nghiêm khắc về các biện pháp đối với quân Nhật: “*Hỡi chiến sĩ và đội viên Quân giải phóng Việt Nam!* Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, các bạn hãy tập trung lực lượng, kịp đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch; đánh chặn các đường rút lui của chúng, tước vũ khí của chúng!” (39). Trong văn bản này tuyệt nhiên thực dân Pháp không được nhắc đến.

Tuy nhiên, trong quá trình giành chính quyền diễn ra ngay sau đó, từ ngày 13 đến ngày 30-8-1945, nhất là ở Hà Nội, Huế và Sài Gòn, khẩu hiệu chống Nhật không được giương cao, trong khi đó, ở khắp mọi nơi, trên các biểu ngữ ở đường phố hay trong lời kêu gọi khởi nghĩa của Mặt trận

Việt Minh, khẩu hiệu chống Pháp, đặc biệt là chống lại âm mưu tái chiếm thuộc địa của chính phủ Pháp do Charles de Gaulle đứng đầu, luôn luôn được giương cao nhất. Cùng với các khẩu hiệu khác như: “Việt Nam độc lập!”, “Việt Nam thống nhất!”, “Độc lập hay là chết!” khẩu hiệu “*Đả đảo bọn Pháp muốn khôi phục chủ quyền ở Đông Dương!*”... đã trở thành ngọn cờ hiệu triệu và quy tụ sức mạnh đoàn kết tranh đấu, giành chính quyền của quảng đại quần chúng nhân dân (40).

Rõ ràng là những sự thay đổi khẩu hiệu hành động như vậy của cơ sở Đảng và Việt Minh ở các địa phương trong quá trình giành chính quyền là rất phù hợp với thực tiễn lịch sử.

Trước hết là đối với quân đội Nhật Bản, qua khảo sát kỹ quá trình giành chính quyền ở các địa phương, có thể thấy chỉ có ở một số nơi, như Thái Nguyên, Quảng Ngãi, Thái Bình... là có việc lực lượng cách mạng chủ động tấn công quân Nhật. Trong đó, trận tấn công quân Nhật đồn trú ở Thái Nguyên là trận mà Mặt trận Việt Minh tập trung lực lượng tinh nhuệ nhất, có sự hỗ trợ của “Đội Con nai” của OSS (Mỹ) nhưng cũng không giành được thắng lợi. Ở các nơi khác, những đòn tấn công vũ trang cũng không gây được cho đội quân Nhật Bản thiệt hại gì đáng kể để mở đường cho việc giành chính quyền thành công.

Thực tế là ở nhiều nơi, nhất là ở Hà Nội, Sài Gòn thì vấn đề khó khăn nhất của cơ sở Đảng và Mặt trận Việt Minh trong khi cân nhắc để đưa ra quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền là làm thế nào để hóa giải được vấn đề quân Nhật. Tuy Nhật hoàng đã đầu hàng, nhưng đội quân Nhật ở Việt Nam là đội quân chính quy tinh nhuệ, chưa từng thua trận nào, quân số lên tới trên 96.000 người, được trang bị tốt. Trong khi đó, lực lượng vũ trang cách mạng khi đó ước

chừng chỉ vào khoảng 5.000 đến 7.000 người, phần lớn được trang bị thô sơ và chưa có điều kiện được huấn luyện kỹ càng. Rõ ràng, đây là một sự chênh lệch rất đáng kể. Cuộc chiến đấu nếu kéo dài thì thời cơ “ngàn năm có một” để giành chính quyền sẽ trôi qua.

Trong tình thế đó, các cán bộ lãnh đạo xứ ủy, tỉnh ủy và Việt Minh ở các địa phương đã quyết định tiến hành một cuộc đấu tranh ngoại giao rất dũng cảm, tài tình và đã trung lập hóa thành công quân đội Nhật, góp phần rất quan trọng vào thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ở Hà Nội, sau khi đã tiến hành một số hoạt động thám sát, đánh giá thái độ của quân Nhật và khả năng thương lượng với họ, tối ngày 17-8-1945, Ủy ban quân sự cách mạng Hà Nội đã họp và quyết định “Đối với Nhật, ta chủ trương cần tiếp tục giữ chúng trong thái độ nằm im như buổi chiều ngày 17-8-1945; vì vậy không đặt ra vấn đề tước vũ khí quân Nhật, cũng không đánh chiếm những nơi có quân Nhật chiếm đóng, như Phủ Toàn quyền, Bộ Tổng tham mưu, trại Đồn Thủy, thành Cửa Bắc, Ngân hàng Đông Dương, Việt Nam học xá... Tuy nhiên, cũng dự kiến khả năng xấu: nếu quân Nhật gây ra xung đột vũ trang thì ta kiên quyết đánh, tranh thủ đoạt lấy vũ khí của địch càng nhiều càng tốt, rồi rút ra ngoại thành, tiến hành chiến tranh du kích, củng cố và phát triển lực lượng, chờ quân Giải phóng về cùng phối hợp tiến công chiếm lại thành phố” (41). Quả nhiên, ngày 19-8-1945, khi các đoàn biểu tình chính trị của quần chúng do cán bộ Đảng và Việt Minh lãnh đạo tỏa đi giành chính quyền ở các nơi, quân đội Nhật đã giữ thái độ trung lập. Chỉ đến khi giành quyền kiểm soát Trại Bảo an binh thì quân Nhật cho xe tăng ra ngăn cản, định can thiệp. Lúc này, Ủy ban quân sự cách mạng Hà Nội đã chỉ đạo, một mặt cố gắng ngăn cản

sự can thiệp của quân Nhật, mặt khác cử ngay một đoàn cán bộ đến gặp và thương lượng với chỉ huy quân đội Nhật. Kết quả là quân Nhật đã nhượng bộ, rút xe tăng về. Cuộc Tổng khởi nghĩa thành công khá trọn vẹn ở Hà Nội (42).

Ở Sài Gòn, sau khi Bí thư Xứ ủy Trần Văn Giàu cử người trực tiếp gặp và thương lượng với Thống chế Hisaichi Terauchi, Tổng tư lệnh quân Nhật ở Đông Nam Á đang đóng đại bản doanh trong thành phố, Xứ ủy (Tiền phong) đã quyết định tiến hành khởi nghĩa ở Tân An (23-8-1945) để thăm dò thêm phản ứng của quân Nhật. Khi đã chắc chắn quân Nhật không can thiệp thì quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công vào ngày 25-8-1945 (43).

Thực chất, đấu tranh ngoại giao, cùng với đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang luôn là một trong những phương thức đấu tranh cơ bản được cha ông ta sử dụng rất hiệu quả trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Truyền thống này càng được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta phát huy cao độ trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao có đặc thù riêng và không bao giờ tách khỏi đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang thì mới giành được thắng lợi. Trong bối cảnh lịch sử cụ thể của tháng 8 năm 1945, sở dĩ quân đội Nhật có thể chấp nhận thương lượng với Việt Minh và chịu nhượng bộ chính là vì chỉ có Việt Minh mới có thực lực đủ mạnh để thương lượng với họ. Đây là điều mà ngay cả các lực lượng thân Nhật lớn nhất lúc đó như *Phục Quốc* hay *Mặt trận quốc gia thống nhất*, bao gồm cả Cao Đài và Hòa Hảo cũng không làm được. Tuy nhiên, để tạo điều kiện mở ra mặt trận đấu tranh ngoại giao với quân đội Nhật thì trong quá trình giành chính quyền, khẩu hiệu chống Nhật hầu như đã được rút bỏ

hoàn toàn. Chỉ còn lại chủ yếu là khẩu hiệu chống chính phủ bù nhìn tay sai của Nhật và chống thực dân Pháp. Đây là một sự điều chỉnh chiến thuật tranh đấu rất táo bạo, kịp thời, đầy tính sáng tạo và hiệu quả của Đảng và Mặt trận Việt Minh trong nửa sau tháng 8-1945.

5. Kết luận

Trong thời gian diễn ra cuộc Chiến tranh thế giới thứ Hai, bên cạnh các hoạt động tác chiến quân sự trên các chiến trường và việc huy động các lực lượng chính trị, kinh tế của tất cả các bên tham chiến, hoạt động đấu tranh ngoại giao giữa các phe, các lực lượng và các quốc gia rõ ràng cũng là một nội dung lịch sử vô cùng quan trọng, góp phần rất to lớn vào diễn biến và kết cục cuối cùng của cuộc chiến.

Việt Nam không phải là chiến trường, cũng không phải là một địa bàn chiến lược của cuộc Chiến tranh thế giới thứ Hai, nhưng toàn bộ lịch sử của dân tộc Việt Nam từ năm 1939-1945 cũng bị chi phối rất mạnh mẽ từ cuộc chiến đó. Nội dung chủ đạo của lịch sử dân tộc Việt Nam giai đoạn này chính là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội. Các lực lượng tham gia vào cuộc đấu tranh đó từ những phe, những lập trường khác nhau đều ra sức tranh thủ tình hình trong nước và trên thế giới để tăng cường sức mạnh của bản thân và gia tăng lợi thế, cơ hội cho mình. Các lực lượng thống trị, từ quân đội Nhật Bản, thực dân Pháp hay Nam triều đều có cách thức riêng của mình để tham gia vào các hoạt động ngoại giao hòng củng cố thêm địa vị của họ, vừa câu kết lại vừa tranh đấu với nhau ở cả tầm vĩ mô và vi mô. Về phía dân tộc Việt Nam, các lực lượng, dù thân Nhật, thân Pháp hay thân Trung Quốc cũng đều có kế sách riêng để tiến hành những hoạt động ngoại giao nhằm tranh thủ lợi thế cho mình.

Riêng Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh, ngay từ đầu đã xác định lập trường đấu tranh cho mục tiêu cao cả nhất là giải phóng dân tộc, khôi phục nền độc lập thống nhất quốc gia, tức là chống lại tất cả các thế lực ngoại xâm và tay sai của chúng. Nghĩa là ở Việt Nam, chỉ có lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh lựa chọn chiến lược đấu tranh chống lại cả phát xít Nhật và thực dân Pháp.

Cũng từ rất sớm, Hồ Chí Minh và lãnh đạo Đảng đã nhận thấy rõ vai trò và tầm quan trọng có ý nghĩa chiến lược của hoạt động ngoại giao và đấu tranh ngoại giao đối với vận mệnh của cách mạng Việt Nam. Do đó, đích thân Hồ Chí Minh, lãnh tụ tối cao của Đảng và Mặt trận Việt Minh đã phải tự mình đảm nhiệm cuộc đấu tranh ngoại giao ở tầm chiến lược, và chính Người đã dũng cảm, xả thân mở đường cho cuộc đấu tranh đầy gian nan thử thách này.

Thắng lợi của cuộc đấu tranh đó đã góp phần rất quan trọng vào việc khẳng định tính chất chính nghĩa, chính đáng (*letigimacy*) của cách mạng Việt Nam trên trường quốc tế; kết nối sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, đưa cuộc vận động cách mạng Việt Nam lên tầm cao mới, dẫn đi đúng vào quỹ đạo của phe Đồng minh và các lực lượng tiến bộ, dân chủ chống phát xít, vì độc lập, tự do trên toàn thế giới. Nhờ đó mà sức mạnh, uy thế của cách mạng Việt Nam đã được nhân lên gấp bội, làm bệ đỡ cho toàn bộ cuộc vận động chính trị và vũ trang trong quá trình chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Một bộ phận đặc biệt quan trọng của cuộc đấu tranh ngoại giao của Đảng và Mặt trận Việt Minh trong thời kỳ này diễn ra trong quá trình tổng khởi nghĩa, giành chính quyền. Trên thực tế, phạm vi của cuộc đấu tranh này cũng khá rộng lớn với nhiều nội dung phức tạp, đan cài, tác động lẫn nhau.

Rõ ràng, việc các cán bộ lãnh đạo Đảng và Việt Minh ở các địa phương, đặc biệt là ở Hà Nội và ở Sài Gòn đã quyết định tiến hành những cuộc đấu tranh ngoại giao vô cùng dũng cảm, sáng tạo và hiệu quả, đã trung lập hóa thành công gần 100 nghìn quân Nhật, hóa giải và bước đầu ngăn chặn thành công âm mưu quay lại tái chiếm thuộc địa của thực dân Pháp đã góp phần quyết định vào việc quy tụ được lực lượng của toàn dân tộc trong thời khắc quyết định, giành chính quyền thành công nhanh gọn, ít đổ máu trên phạm vi toàn quốc.

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương VIII của Đảng từ tháng 5 năm 1941: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử tồn vong của quốc gia, của dân tộc”. Quán triệt nguyên tắc đó, Hồ Chí Minh có thể vô cùng linh hoạt trong các hoạt động ngoại giao với các lực lượng quân đội và tình báo Mỹ, với các tướng lĩnh của Trung Hoa Dân quốc và với các lực lượng khác, miễn sao tranh thủ được sự ủng hộ và giành được lợi thế cho cách mạng Việt Nam. Tương tự như vậy, việc Trung ương Đảng kiên quyết giương cao ngọn cờ “gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít”, trong khi các cán bộ Đảng và Việt Minh ở các địa phương lại căn cứ vào tình hình thực tiễn chủ động thương thuyết với quân đội Nhật, kiên quyết đối phó thực dân Pháp là cũng dựa trên việc tuân thủ nguyên tắc gốc này: Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết. Đó chính là nguyên tắc “đi bất biến ứng vạn biến” của ngoại giao Việt Nam.

Cuộc đấu tranh ngoại giao của Đảng và Mặt trận Việt Minh trong Cách mạng tháng Tám, vì vậy, không chỉ khai mở ra nền ngoại giao Việt Nam hiện đại và cách mạng, mà còn để lại cho Đảng và nhân dân ta những bài học rất sâu sắc, có ý nghĩa thực tiễn cao trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và cách mạng 4.0 hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1). Trong tháng 3 và tháng 4 năm 1941, Nguyễn Ái Quốc đã sang Tĩnh Tây (Bách Sắc, Trung Quốc), một địa phương cách biên giới Việt - Trung khoảng trên 50 km. Người thường ở nhà ông Trương Đình Duy và Trương Kỳ Siêu. Có lẽ việc Nguyễn Ái Quốc đến Tĩnh Tây vào thời gian này nằm trong kế hoạch Người bí mật chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ VIII sẽ diễn ra vào tháng 5-1941. Xem: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 2 (1930-1945), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 71. Xem thêm: Phạm Hồng Tung, “Tìm hiểu thêm về Mặt trận Việt Minh”, in trong: *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 2, 2000, tr. 3-11.

(2), (3). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 537, 309.

(4). Võ Nguyên Giáp nhớ lại: “Bác lấy danh nghĩa là người đại diện của Việt Nam Độc lập Đồng minh sang Trung Hoa để gặp nhà đương cục Quốc dân đảng, nhưng thật ra là Bác đi gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc”. Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2011, tr. 81. Đây là nguồn thông tin duy nhất cho biết Hồ Chí Minh đi sang Trung Quốc năm 1942 là để liên lạc với Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Mặc dù chưa tìm được nguồn thông tin đối chiếu độc lập nào, nhưng chúng tôi cho rằng rất ít có khả năng này, vì lúc đó Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đóng ở Diên An, rất xa và hầu như không có liên quan gì đến cách mạng Việt Nam. Và lại, trong thời gian sau đó, ít nhất là cho tới tháng 9-1945, Hồ Chí Minh cũng không tìm cách liên lạc với Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

(5). Trong lịch sử thế giới hầu như không có tiền lệ nào như vậy. Tuy nhiên, trong lịch sử phong trào yêu nước Việt Nam thì hồi năm 1904-1905 đã có việc Phan Bội Châu và Cường Để, những thủ lĩnh tối cao của Duy tân hội cũng tự mình xuất ngoại, đảm trách việc đấu tranh ngoại giao.

(6). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, sdd, tr. 310. Một lý do khác, có thể là do Hồ Chí Minh mang trong người một số giấy tờ đã hết hạn sử dụng cho nên bị tình nghi là gián điệp của quân Nhật, do đó bị chính quyền địa phương của Trung Quốc bắt giữ. Duiker, William J., *Ho Chi Minh: A Life*, Hyperion, New York, 2000, tr. 264.

(7). Xem: Duiker, William J., *Ho Chi Minh: A Life*, sdd, tr. 268-271. Theo Duiker thì từ khoảng

mùa Xuân năm 1943 vụ việc bắt giữ Hồ Chí Minh đã được báo cáo lên tướng Trương Phát Khuê, Tư lệnh Đệ tứ Chiến khu và một số nhân vật lãnh đạo cao nhất của Chính phủ Trung Hoa Dân quốc ở Trùng Khánh, bao gồm cả Tướng Giới Thạch. Đồng thời, qua nhiều nguồn thông tin, Tướng Giới Thạch, Trương Phát Khuê cũng biết chắc chắn Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc và là một cán bộ của Quốc tế Cộng sản và của Đảng Cộng sản Đông Dương. Nhưng chính phủ Trùng Khánh vẫn quyết định gửi điện văn yêu cầu Trương Phát Khuê trả tự do cho Hồ Chí Minh. Xem thêm: Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 105-109; Phùng Thế Tài, *Bác Hồ - những kỷ niệm không quên*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 53-55; Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, sdd, 81-82.

(8). Đây là điều chính tướng Trương Phát Khuê sau này đã nói rõ trong một số cuộc trả lời phỏng vấn của ông ta. Xem: Duiker, William J., *Ho Chi Minh - A Life*, sdd, tr. 271-272.

(9). Chen, King C., *Vietnam and China 1938-1954*, Princeton University Press, 1969, tr. 50, 60-63.

(10), (11), (12). *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 104, 104-112, 111-113.

(13), (14). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 537, 538.

(15), (16), (17), (24). Phùng Thế Tài, *Bác Hồ - những kỷ niệm không quên*, sdd, tr. 58, 57-81, 61-62, 86-87.

(18). Hiện nay chưa có cơ sở để xác định chính xác thời gian Hồ Chí Minh khởi hành chuyến đi thứ ba sang Trung Quốc. Theo Phùng Thế Tài, năm 1945, ông cùng Hồ Chí Minh đón Tết Nguyên đán Ất Dậu ở Côn Minh. Ngày 1 tháng Giêng năm Ất Dậu tức là ngày 13-02-1945. Như vậy, điều chúng ta có thể biết chắc chắn là ngày 13-02-1945 Hồ Chí Minh đã có mặt ở Côn Minh. Đường đi từ Pác Bó đến Côn Minh khá xa, sau khi đi bộ 11 ngày, Hồ Chí Minh đến Xipichai rồi đi tàu hỏa đến Nghi Lương, do bị ốm nặng Người phải dừng chân ở đó một tuần, rồi mới tiếp tục đi Côn Minh bằng tàu hỏa. Như vậy, muộn nhất thì Hồ Chí Minh phải khởi hành từ Pác Bó vào cuối tháng 1 đầu tháng 2 năm 1945. Xem: Phùng Thế Tài, *Bác Hồ - những kỷ*

niệm không quên, sdd, tr. 74-84; Marr, David G.: *Vietnam 1945: the Quest for Power*, University of California Press, Berkeley, 1995, tr. 202.

(19), (21), (33). Marr, David G.: *Vietnam 1945: the Quest for Power*, University of California Press, Berkeley, 1995, tr.279-282, 282-283, 203-205.

(20). OSS (*Office of Strategic Service*) được cho là một trong những tổ chức tiền thân của CIA (Central Intelligent Agency) - Cục Tình báo trung ương của Mỹ. Ở thời điểm đầu năm 1945, OSS có nhiều nhóm điệp viên hoạt động ở phía Nam Trung Quốc được tổ chức khá phức tạp, hoạt động tương đối biệt lập, nhằm thu thập tin tức quân sự và tổ chức các mạng lưới điệp viên, hỗ trợ hoạt động đặc vụ, du kích trong vùng tạm chiếm của quân Nhật. Xem: Bartholomew-Feis, Dixee, *The OSS and Ho Chi Minh: Unexpected Allies in the War against Japan*, University of Kansas Press, 2006.

(22). Marr, David G.: *Vietnam 1945...*, sdd, tr.283. Về tiếp xúc ngoại giao giữa Hồ Chí Minh với các nhân vật Mỹ ở Côn Minh, xem thêm: Phùng Thế Tài, *Bác Hồ - những kỷ niệm không quên*, sdd, tr.82-87.

(23). Tháp tùng Hồ Chí Minh tham dự sự kiện này còn có các cán bộ của Việt Minh: Phạm Việt Tử, Phùng Thế Tài và Đại Toàn. Xem: Phùng Thế Tài, *Bác Hồ - những kỷ niệm không quên*, sdd, tr. 85.

(25). Đội Con Nai (*The Deer Team*) gồm có bảy thành viên: Thiếu tá Allison K. Thomas - Chỉ huy trưởng, Trung úy René J. Defourneux - Phó chỉ huy trưởng, Thượng sĩ William F. Zielski - nhân viên điện đài, Trung sĩ Lawrence R. Vogt - chuyên gia vũ khí, Trung sĩ Aaron Squires - chuyên gia vũ khí, nhiếp ảnh gia, Binh nhất Henry A. Prunier - thông dịch viên, Binh nhất Paul Hoagland - quân y. Tham gia Đội lúc đầu còn có Trung úy Montfort và một số người Pháp. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh đã kiên quyết phản đối sự có mặt của những người Pháp này và OSS đã buộc phải rút họ khỏi khu căn cứ Tân Trào. Bartholomew-Feis, Dixee, *The OSS and Ho Chi Minh: Unexpected Allies in the War against Japan*, sdd, tr. 193.

(26). Lũng Cò thuộc xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(27). Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, sdd, tr.547-550; Marr, David G.: *Vietnam 1945 ...*, sdd, tr.286-289.

(28). Xem: Hoàng Quốc Việt: *Chặng đường nóng bỏng*, Nxb. Lao Động, Hà Nội 1985, tr.261.

(29). Quyết định này xuất phát từ mâu thuẫn giữa Tưởng Giới Thạch và Long Vân, tỉnh trưởng Vân Nam. Để thanh trừng Long Vân, Tưởng dụng kế “điệu hổ ly sơn” điều Lư Hán, Tư lệnh quân đội Vân Nam và là em vợ của Long Vân sang Việt Nam, rồi thừa cơ đánh úp Long Vân.

(30). Theo: Trần Huy Liệu, Văn Tạo: *Tài liệu tham khảo cách mạng Việt Nam cận đại*, tập 10, Văn - Sử - Địa xuất bản, Hà Nội, 1957, tr.83-84.

(31). Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000 tr.365-368.

(34). Dẫn lại theo: Patti, Archimedes L.A.: *Tại sao Việt Nam?* bản dịch của Nxb. Đà Nẵng, 2001, tr.291.

(35). Xem: Phạm Hồng Tung, “Sáng tạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh đoàn kết toàn dân tộc, giành chính quyền trong nửa sau tháng Tám năm 1945 - Trung lập hóa quân đội Nhật, hóa giải âm mưu của thực dân Pháp”, in trên: Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 4 (406) - 2025, tr. 39-48.

(36), (37), (40), (46). Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 364-373, 366, 42, 113.

(38). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, sdd, tr.367. Điều đáng chú ý là vào thời điểm đó chính phủ Trần Trọng Kim chưa ra đời. Tuy nhiên, Thường vụ Trung ương Đảng đã dự đoán trước khả năng, rằng Nhật sẽ dựng ra chính phủ bù nhìn và trừ liệu quyết sách chống lại.

(39). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 3.

(41). “Hiệu triệu của đại biểu Việt Minh (đọc trước 20 vạn đồng bào Hà Nội, ngày 19-8-1945)”, in trong: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, sdd, tr.566-568.

(42). Trần Quang Huy, “Hà Nội trong rạng đông kỷ nguyên Hồ Chí Minh”, in trong: Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam: *19-8 Cách mạng là sáng tạo*, Hà Nội, 1995, tr. 35.

(43). Hai cán bộ được cử đi gặp chỉ huy quân đội Nhật là Trần Đình Long và Lê Trọng Nghĩa. Xem: Lê Trọng Nghĩa, “Các ủy ban nhân dân cách mạng ra mắt ở Hà Nội sau khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám”, in trong: Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam: *19-8-Cách mạng là sáng tạo*, sdd, tr.87-90; Marr, David G.: *Vietnam 1945...*, sdd, tr. 89-94.